

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 125/2021/HS-PT

Ngày 27/4/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huân.  
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và ông Hoàng Kim Khánh.
- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hùng là Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 3 năm 2021, đối với bị cáo Phạm Hữu C, do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại, đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2021, của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

**Bị cáo kháng cáo:**

**PHẠM HỮU C**, sinh ngày 01/5/1999 tại tỉnh Thanh Hoá.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Q, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông: Phạm Hữu W, sinh năm 1973 và bà: Nguyễn Thị E, sinh năm 1974; Có vợ: Nguyễn Thị Thanh R, sinh năm 2001; Có 01 con, sinh ngày 11/5/2020.

**Tiền án:**

1. Ngày 02/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản, thời gian thử thách 12 tháng.

2. Ngày 23/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Buộc Phạm Hữu C phải chấp hành hình phạt 06 tháng tù của bản án số: 107/2016/HS-ST ngày 02/11/2016; Tổng hợp hình phạt 02 bản án, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 01 năm 09 tháng tù ( bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 01/02/2019 )

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 18/12/2019, hiện đang tạm giam - Có mặt.

**Người bị hại:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968 - Vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn Y 4, xã U, huyện I, tỉnh Đắk Lắk.

Trong vụ án, còn có các bị cáo Phan Văn O, Ngô Văn O1, Phạm Văn O2 và Quách Công O3 nhưng không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 11/9/2019, Phạm Hữu C đi xe ô tô khách từ huyện E đến xã A, huyện S; Sau đó, C đi bộ vào thôn TK, xã A để trộm cắp tài sản; Khi đi ngang qua nhà ông Phan Văn LF, C thấy chiếc xe mô tô biển số 47E1-xxx.xx dựng tại hiên nhà, không có người trông coi, C đi vào dùng Vam phá ổ khoá xe, dắt xe ra ngoài, rồi điều khiển xe về nhà. Trong quá trình sử dụng xe trộm cắp được, C tháo biển số xe vứt đi.

Khoảng 21 giờ, ngày 15/12/2019, Phan Văn O rủ C đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền; C đồng ý và điều khiển xe mô tô trộm cắp được tại huyện S, chở O vào thôn ES, xã EN, huyện E tìm xe mô tô để trộm cắp; Khi đi ngang qua nhà ông Đào Khắc Th, thấy chiếc xe mô tô biển số 47D1-zzz.zz dựng trong sân nhà, không có người trông coi; C và O đi vào, C dùng Vam phá ổ khoá xe, dắt xe ra ngoài, rồi điều khiển xe chạy về xã Q, huyện E; O rủ Phạm Văn O2 và Quách Công O3, mang xe mô tô trộm cắp được đến tỉnh Bình Phước bán; O2 và O3 đồng ý; O điều khiển xe mô tô trộm cắp được của ông Th chở C, O2 điều khiển xe mô tô của C chở O3, đi theo quốc lộ 14 đến tỉnh Bình Phước. Trên đường đi, khi đến trước trụ sở Công an huyện I; O nói với O2 và O3 dừng xe lại đứng đợi, để O và C tìm xe mô tô để trộm cắp; O điều khiển xe chở C đến thôn Y 4, xã U, huyện I; Khi đi ngang qua nhà bà Nguyễn Thị L, thấy chiếc xe mô tô biển số 47U1-yyy.yy của bà L dựng tại hiên nhà, không có người trông coi; C đi vào dùng Vam phá ổ khoá xe, dắt xe ra ngoài, rồi điều khiển xe chạy đến nơi O2 và O3 đang đứng đợi, rồi cả bọn tiếp tục đi đến tỉnh Bình Phước; Trên đường đi, khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, khi đi ngang qua nhà bà Lê Thị G, thuộc thôn Y 2, xã U, huyện I, thấy chiếc xe mô tô biển số 47U1-aaa.aa của bà G dựng trong sân nhà, không có người trông coi, O nói với O2 và O3 đi trước một đoạn đường rồi đứng đợi, để O và C thực hiện trộm cắp xe mô tô; O2 và O3 đồng ý; O và C dùng tay mở hàng rào lưới B40 sân nhà bà G, đi vào trong sân nhà chiếm đoạt chiếc xe, đưa ra ngoài; Sau đó, cả bọn đưa O3 chiếc xe mô tô trộm cắp được của ông Th, bà L và bà G, bán cho một người đàn ông không quen biết tại tỉnh Bình Phước, O3 chiếc xe với số tiền 18.500.000đ; C chia cho O 8.000.000đ, chia cho O2 và O3 mỗi người 1.000.000đ.

Ngoài ra, Phan Văn O, Ngô Văn O1, Quách Công O3, Phạm Văn O2 còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhiều lần.

Biên bản định giá tài sản số: 89/BB-ĐGTS và số: 91/BB-ĐGTS ngày 11/02/2020; Số: 912/BB-ĐGTS ngày 17/12/2019, của Hội đồng định giá tài sản huyện E kết luận: Xe mô tô biển số 47D1-zzz.zz của ông Đào Khắc Th trị giá 12.500.000đ; Xe mô tô biển số 47U1-aaa.aa của bà Nguyễn Thị L trị giá 16.000.000đ; Xe mô tô biển số 47U1-121.75 của bà Lê Thị G trị giá 14.500.000đ; Xe mô tô biển số 47E1-xxx.xx ông Phan Văn LF trị giá 12.500.000đ.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HS-ST ngày 04/02/2021, của Tòa án nhân dân huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk, đã áp dụng: Các điểm b, c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s, khoản 1 Điều 51; các điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

**Xử phạt:** Phạm Hữu C 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm, còn xử phạt Phan Văn O 04 năm tù và Ngô Văn O1 02 năm 06 tháng tù, đều về tội Trộm cắp tài sản; Xử phạt Phạm Văn O2 01 năm 09

tháng tù về tội Trộm cắp tài sản xử và 09 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Xử phạt Quách Công O3 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản xử và 06 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; Giải quyết bồi thường, quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS. Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước 14.800.000đ, do các bị cáo Phan Văn O, Phạm Hữu C, Phạm Văn O2 và Quách Công O3 phạm tội mà có; Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý các vật chứng khác trong vụ án.

Ngày 17/02/2020, bị cáo Phạm Hữu C có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 18/02/2021, người bị hại là bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên xử trả lại cho người bị hại số tiền các bị cáo phạm tội mà có.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Phạm Hữu C khai nhận: Chiều ngày 11/9/2019, bị cáo đi từ huyện E đến thôn TK, xã A, huyện S để trộm cắp tài sản; Khi đi ngang qua ngôi nhà tại thôn TK, thấy chiếc xe mô tô biển số 47E1-230.08 dựng tại hiên nhà, không có người trông coi, bị cáo chiếm đoạt xe mang về nhà sử dụng; Đêm 15/12/2019, bị cáo cùng với Phan Văn O trộm cắp xe mô tô biển số 47D1-287.76 tại thôn ES, xã EN, huyện E; Trộm cắp xe mô tô biển số 47U1-135.61 tại thôn Y 4, xã Chư Kpô, huyện I và xe mô tô biển số 47U1-121.75 tại thôn Y 2, xã Chư Kpô, huyện I. Bị cáo cùng với Hiền, Phạm Văn O2 và Quách Công O3, mang 03 chiếc xe trộm cắp được vào tỉnh Bình Phước bán lấy tiền chia nhau.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Bản án sơ thẩm tuyên xử Phạm Hữu C phạm tội Trộm cắp tài sản, theo các điểm b, c khoản 2 Điều 173 BLHS, là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt, mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là thỏa đáng và đã xem xét đầy đủ đến các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

**Về xử lý vật chứng:** Đối với số tiền 14.800.000đ, do các bị cáo Phan Văn O, Phạm Hữu C, Phạm Văn Tài, Quách Công O3 phạm tội mà có, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị L, sửa bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, tuyên trả lại cho người bị hại số tiền nêu trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của Phạm Hữu C tại phiên tòa phúc thẩm, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của Phan Văn O là người cùng thực hiện hành vi phạm tội với bị cáo, phù hợp với lời khai của người bị hại và lời khai người làm chứng, phù hợp với vật chứng đang được thu giữ và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Phạm Hữu C không nghề nghiệp và thực hiện việc trộm cắp tài sản của người khác làm nguồn sống chính; Trong thời gian từ ngày 08/8/2016 đến ngày 15/12/2019, C đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác khác; Trong đó, 02 lần đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản vào ngày 02/11/2016 và ngày 23/11/2017. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương và chưa được xoá án tích, ngày 11/9/2019, C lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 47E1-230.08 của ông Phan Văn LF trị giá 12.500.000đ; Đêm 15/12/2019, C cùng với Phan Văn O 03 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 47D1-287.76 của ông Đào Khắc Th trị giá 12.500.000đ; xe mô tô biển số 47U1-135.61 của bà Nguyễn Thị L trị giá 16.000.000đ và xe mô tô biển số 47U1-121.75 của bà Lê Thị G trị giá 14.500.000đ. Tổng trị giá 04 chiếc xe mô tô mà C chiếm đoạt là 55.500.000đ.

Vì vậy, Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử Phạm Hữu C, phạm tội Trộm cắp tài sản, với tình tiết định khung hình phạt là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ, theo các điểm b, c khoản 2 Điều 173 BLHS là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết định khung hình phạt tái phạm nguy hiểm, theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS để xét xử bị cáo là thiếu sót. Bởi lẽ, bị cáo là người đã tái phạm, theo bản án hình sự sơ thẩm số:118/2017/HS-ST ngày 23/11/2017 của TAND huyện E, chưa được xoá án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 BLHS.

[3] Xét mức hình phạt 03 năm 06 tháng tù mà Toà án cấp sơ thẩm xử phạt Phạm Hữu C là thoả đáng và đã xem xét đầy đủ đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo, cần giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm, thì mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm ở địa phương.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của người bị hại là bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Toà án cấp sơ thẩm đã buộc các bị cáo trong vụ án liên đới bồi thường cho bà, trị giá chiếc xe mô tô biển số 47U1-135.61 của bà bị chiếm đoạt, là đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại; Đối với số tiền 14.800.000đ, do các bị cáo Phan Văn O, Phạm Hữu C, Phạm Văn O2 và Quách Công O3 phạm tội mà có, Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là có căn cứ, được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà về xử lý vật chứng, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng đối khoản tiền nêu trên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

**Vì các lẽ trên,**

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Hữu C và kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị L; Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Phạm Hữu C và giữ nguyên bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng.

Áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS.

**Xử phạt:** Phạm Hữu C 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 18/12/2019.

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 14.800.000đ, do các bị cáo Phan Văn O, Phạm Hữu C, Phạm Văn O2 và Quách Công O3 phạm tội mà có.

**Về án phí phúc thẩm:** Bị cáo Phạm Hữu C phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm; Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT 1- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Văn phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea H'leo;
- VKSND huyện Ea H'leo;
- Công an huyện Ea H'leo;
- Chi cục T.H.A.DS huyện E;
- Công an huyện Ea H'leo;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Huân**